

IO-Link Master CPX-AP-A-4IOL-M12

Số bộ phận: 8129114

FESTO



Bảng dữ liệu

Đặc tính	Giá trị
Giao thức	Kết nối IO-Link
Kích thước B x L x H	(gồm khối liên kết) 50,1 mm x 107,3 mm x 57,5 mm
Kích thước lưỡi	50.1 mm
Kiểu gắn	vặn chặt
trọng lượng sản phẩm	90 g
Vị trí lắp đặt	bất kỳ
Nhiệt độ môi trường xung quanh	-20 °C...50 °C
Lưu ý về nhiệt độ môi trường	Quan sát nhiệt độ môi trường xung quanh giảm dần theo tiêu chuẩn IEC 61131-2: 2017
Nhiệt độ bảo quản	-20 °C...70 °C
Độ ẩm tương đối	5 - 95 % không cô đặc
Chiều cao vận hành định mức	≤ 2000 m ASL (> 79,5 kPa)
Độ cao tối đa	3500 m
Lưu ý về chiều cao lắp đặt tối đa	> 2000 m ASL (< 79,5 kPa) Quan sát nhiệt độ môi trường xung quanh giảm dần theo tiêu chuẩn IEC 61131-2: 2017
Lớp chống ăn mòn KBK	1 - ứng suất ăn mòn thấp
Khả năng chống rung	Kiểm tra bộ gá vận chuyển với mức độ nghiêm trọng 2 theo FN 942017-4 và EN 60068-2-6
Lưu ý về khả năng chống rung	SG1 trên ray H SG2 khi lắp trực tiếp Kiểm tra bộ gá vận chuyển với mức độ nghiêm trọng 1 theo FN 942017-4 và EN 60068-2-6
chống sốc	Kiểm tra va đập với mức độ nghiêm trọng 2 theo FN 942017-5 và EN 60068-2-27
Lưu ý về khả năng chống sốc	30 g/11 ms theo EN 60068-2-27 SG1 trên ray H SG2 khi lắp trực tiếp Kiểm tra va đập với mức độ nghiêm trọng 1 theo FN 942017-5 và EN 60068-2-27
Lớp bảo vệ	III
mức độ ô nhiễm	2
Danh mục quá áp	II

Đặc tính	Giá trị
Chiều dài dây dẫn tối đa	20 m với hoạt động IO-Link
Tuân thủ LABS	VDMA24364-B2-L
Kiểm tra độ cháy vật liệu	UL94 V-0 (Vỏ)
Ghi chú vật liệu	Tuân thủ RoHS không chứa halogen không axit photphoric este
Vật liệu vỏ	PC
Vật liệu phủ	PBT-gia cố
Vật liệu vít	Théo, mạ niken
Vật liệu vòng đệm chữ O	FPM
Chẩn đoán theo đèn LED	Chẩn đoán trên mỗi kênh Chẩn đoán trên mỗi mô-đun Nguồn cấp điện tải Trạng thái trên mỗi kênh Trạng thái trên mỗi mô-đun
Chẩn đoán thông qua liên lạc nội bộ	Sự kiện liên kết IO Ngắn mạch/quá tải nguồn cung cấp cảm biến Quá áp điện tử/cảm biến Quá áp tải Điện áp thấp cảm biến/điện tử Điện áp thấp tải
Đầu vào khối lượng địa chỉ tối đa	33 Byte
Khối lượng địa chỉ tối đa Đầu ra	33 Byte
Thông số mô-đun	Cấu hình cung cấp phụ tải giám sát điện áp PL
Thông số kênh	Kích hoạt chẩn đoán cho IO-Link Device Lost Chế độ cổng DeviceID mục tiêu VendorID mục tiêu Thời gian chu kỳ mục tiêu
Thời gian chu kỳ nội bộ	< 1 ms
Hỗ trợ cấu hình	Tệp IO-DD
Giao diện truyền thông, giao thức	AP
Chỉ dẫn về điện áp vận hành	Nguồn điện SELV/PELV cần thiết Lưu ý sự sụt giảm điện áp
Chỉ dẫn về điện áp hoạt động danh định DC	Điện áp siêu thấp được bảo vệ theo IEC 60204-1
Điện áp hoạt động danh định DC của tải	24 V
Phụ tải dao động điện áp cho phép	± 25 %
Điện áp hoạt động định mức DC Điện tử/cảm biến	24 V
Điện áp dao động cho phép điện tử / cảm biến	± 25 %
Mức tiêu thụ dòng điện nội tại ở điện áp vận hành định mức điện tử/cảm biến	thường là 40 mA
Công suất tiêu thụ bên trong ở tải điện áp hoạt động danh định	thường là 4 mA
Bắt cầu sự cố điện	10 ms
Cách ly điện giữa điện áp cung cấp cho thiết bị điện tử/cảm biến và tải/van	có
Chống phân cực	có
Đầu vào bảo vệ (ngắn mạch)	cầu chì điện tử bên trong mỗi mô-đun
Tổng dòng tối đa đầu vào mỗi mô-đun	2 A
Hành vi sau khi quá tải đầu ra	Không quay lại tự động
Tổng đầu ra hiện tại tối đa trên mỗi mô-đun	4 A
Kênh đầu ra cách ly điện - giao tiếp nội bộ	có
Nguồn cấp điện tối đa cho mỗi kênh	2,1 A (tải đèn 50 W), trên mỗi cặp kênh
Cổng nối điện IO-Link, kiểu kết nối	4x ổ cắm
Cổng nối điện IO-Link, công nghệ kết nối	M12x1, được mã hóa A theo EN 61076-2-101
Cổng nối điện IO-Link, số chân cắm/dây	5
IO-Link, giao tiếp	C/Q LED xanh lá
IO-Link, số lượng cổng	4
IO-Link, Port class	B

Đặc tính	Giá trị
IO-Link, phiên bản giao thức	Master V 1.1
IO-Link, hỗ trợ chế độ SIO	Có
IO-Link, Communication mode	có thể cấu hình thông qua phần mềm SIO, COM1 (4,8 kBaud), COM2 (38,4 kBaud), COM3 (230,4 kBaud)
IO-Link, độ rộng xử lý dữ liệu OUT	có thể tham số hóa 8 - 128 byte
IO-Link, xử lý độ rộng dữ liệu IN	có thể tham số hóa 12 - 132 byte
IO-Link, thời gian chu kỳ tối thiểu	tùy thuộc vào thời gian chu kỳ được hỗ trợ tối thiểu của thiết bị IO-Link được kết nối